TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khiếu
Ông Trương Xuân Vũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tầm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 262/2023/TLST–HNGĐ ngày 24-10-2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14-12-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Trịnh Thị Nguyệt Á** – sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn Ba G, xã Việt T, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* anh **Bàn Phúc G –** sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-10-2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Trịnh Thị Nguyệt Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bàn Phúc G kết hôn vào ngày 15-6-2020 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã

T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hoà hợp trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau.

Nay xác định tình cảm không còn, chị Á yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: chị và anh G không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Bàn Phúc G nhưng anh G không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho chị Trịnh Thị Nguyệt Á được ly hôn với anh Bàn Phúc G.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền: 300.000[đ] (*ba trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trịnh Thị Nguyệt Á và anh Bàn Phúc G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân P, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 15-6-2020.

Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của nguyên đơn quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 và không quan tâm đến nhau. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án tại Thôn B, xã Tân P, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Ánh vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Á và anh G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị Á và anh G không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị Nguyệt Á được ly hôn với anh Bàn Phúc G.

2. Về án phí: chị Trịnh Thị Nguyệt Á phải chịu 300.000[đ] (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000[đ] (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2022/0001126 ngày 24-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Á đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Tân Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh